

quan chủ quản của Sơn đã có kiến nghị với cơ quan CA, đề nghị dùng mọi biện pháp để truy nã bắt giữ Sơn.

**Vụ tham ô ở Công ty Tiếp thị đầu tư Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:** Vụ án này đã được xét xử năm 2003. Cùng với Lê Thị Kim Oanh - kẻ cầm đầu, còn có hai vị nguyên Thứ trưởng của Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn liên đới chịu trách nhiệm. Với sự giúp sức của một số quan chức, Lê Thị Kim Oanh đã chỉ đạo cấp dưới cố ý làm trái, tham ô gây thiệt hại cho Nhà nước hơn 100 tỷ đồng. Lê Thị Kim Oanh nhận án tử hình, còn hai vị nguyên Thứ trưởng nhận án tù treo.

**Vụ tham nhũng tại Công ty Tamexco:** Giám đốc Phạm Huy Phước và các đối tượng liên quan đã nhận hối lộ, gây thất thoát gần 100 tỷ đồng của Nhà nước. Phước cùng một số đối tượng khác đã bị tử hình, số còn lại bị tù giam.

**Vụ nhận hối lộ tại Trạm kiểm soát liên hợp Đồng Bành (Lạng Sơn):** Trạm trưởng Lưu Văn Nhịp đã thông đồng cho các chủ hàng nhập lậu hàng qua biên giới. Theo kết luận của cơ quan chức năng, chỉ trong một ca trực, trạm này thu đến 380 triệu đồng tiền "làm luật" của các chủ hàng. Cục trưởng và hai Cục phó Cục Thuế Lạng Sơn cùng 27 đối tượng khác đã bị truy tố. Cơ quan CA cũng thu giữ hơn 1 tỷ đồng tiền tang vật của vụ án. Liên quan đến vụ án này, Phó Bí thư tỉnh ủy, kiêm Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn bị cách chức.

**Vụ tham nhũng ở Công ty Dệt Nam Định:** ở vụ án này, Ban lãnh đạo, kế toán trưởng công ty Dệt Nam Định cùng nhiều đối tượng khác đã cố ý làm trái, tham ô hàng chục tỷ đồng. Cơ quan chức năng đã truy tố 23 bị can, trong đó có 2 Tổng giám đốc, 1 kế toán trưởng.

**Vụ tham nhũng ở khách sạn Bàn Cờ:** Ông Nguyễn Đăng Khóa (Phó Chủ tịch UBND quận 3, TP. Hồ Chí Minh), Nguyễn Văn Châu (Giám đốc Công ty Vật tư quận 3), Nguyễn Văn Phương (kế toán trưởng khách sạn Bàn Cờ, Nguyễn Thái Học, Hà Nội) đã lợi dụng sự

quản lý lỏng lẻo của cơ quan để tham ô, cố ý làm trái gây thiệt hại cho Nhà nước 14 tỷ đồng thông qua việc mua sắm vật tư, xây dựng khách sạn Bàn Cờ. Các đối tượng trên đã bị truy tố, và xét xử.

**Vụ tham nhũng ở Công ty Pin ắc quy Vĩnh Phú:** Ngài Giám đốc Hoàng Quốc Vinh câu kết với 2 phó giám đốc và một cán bộ ở Công ty khác lập quỹ trái phép, tham ô, gây thiệt hại cho Nhà nước gần 17 tỷ đồng.

**Vụ tham nhũng ở Xí nghiệp xây dựng công trình giao thông:** Bằng thủ đoạn lập chứng từ khống, một số cán bộ, lãnh đạo Xí nghiệp xây dựng Công trình giao thông (thuộc Bộ Giao Thông vận tải) đã gây thiệt hại cho Nhà nước 26 tỷ đồng, trong đó số tiền tham ô là 15 tỷ đồng. Hiện nay vụ án đang được điều tra mở rộng.

**Vụ tham nhũng ở Xí nghiệp xây dựng số 2:** Phạm Văn Tạo, Phó giám đốc Xí nghiệp Xây dựng số 2, thuộc Tổng Công ty Xây dựng Công nghiệp và đồng bọn đã tham ô 5 tỷ đồng trong quá trình thi công 8 công trình tại 2 tỉnh Thanh Hóa và Hà Tĩnh. Thủ đoạn của Phạm Văn Tạo cùng đồng bọn là lập khống hóa đơn, chứng từ. Cơ quan

CA đã khởi tố vụ án, đang tiếp tục điều tra mở rộng.

**Vụ thu chi trái nguyên tắc ở xã Thuận Hưng, Thốt Nốt, Cần Thơ:** Nguyễn Quang Hải (bí thư Đảng ủy), Võ Trúc Khanh (chủ tịch UBND xã), Nguyễn Hữu Đức (phó Chủ tịch UBND), Nguyễn Tấn Lợi (thủ quỹ), Nguyễn Thành Phương (trưởng ban tài chính), Huỳnh Trọng Khải (cán bộ tài chính) xã Thuận Hưng, huyện Thốt Nốt, Cần Thơ đã thu tiền của dân nhưng không ghi biên lai tài chính. Những người này câu kết với nhau, để ngoài sổ sách, chi sai nguyên tắc số tiền rất lớn, trong đó tham ô gần 3 tỷ đồng và 339 chỉ vàng.

Hiện nay, dư luận cho rằng trong lĩnh vực XDCB những thất thoát do tham ô, hối lộ rất lớn nhưng thực tế vừa qua những vụ bị phát hiện còn rất ít (đếm trên đầu ngón tay). Đề nghị các cơ quan giám sát của Quốc hội, Thanh tra Chính phủ, Công an, Viện kiểm sát vào cuộc quyết liệt hơn để vạch ra những vụ tham nhũng còn đang ở trong bóng tối. Có như vậy lòng dân mới yên ■

PV

**NHÂN NGÀY BỘ LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ CÓ HIỆU LỰC**

**MỘT SỐ ĐIỀU CẦN BIẾT KHI**

**CÓ VỤ VIỆC PHẢI ĐẾN TÒA ÁN**

Luật sư PHAN HỮU THỨC

**T**rong một xã hội Văn minh, nền kinh tế thị trường phát triển, mọi người đều tham gia vào những quan hệ xã hội nhất định: quan hệ sở hữu tài sản, sở hữu trí tuệ, quan hệ kinh doanh - thương mại, quan hệ lao động...

Để điều chỉnh các quan hệ xã hội ấy phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa thì nhà nước phải có một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh: bao gồm cả pháp luật về nội dung và hệ thống pháp luật về trình tự, thủ tục giải quyết các tranh

chấp, các yêu cầu dân sự phát sinh trong xã hội. Chúng ta cần tìm hiểu hệ thống pháp luật này: Bộ luật Tố tụng dân sự, để biết cách ứng xử mỗi khi có việc sử dụng đến công cụ Tòa án, mỗi khi có việc bị tòa án "đòi" mà không thể không đến.

Vì là một bộ luật rất lớn tới 36 chương 418 điều. Trong phạm vi bài viết này tôi chỉ xin giới thiệu một số quy định cần biết khi có việc tranh chấp hoặc yêu cầu dân sự phải giải quyết ở Tòa án.

(Xem tiếp trang 42)

## MỘT SỐ ĐIỀU CẦN BIẾT KHI... (Tiếp theo trang 27)

### I. NHỮNG TRANH CHẤP NÀO, YÊU CẦU NÀO CỦA TỔ CHỨC VÀ NGƯỜI DÂN CÓ THỂ YÊU CẦU TÒA ÁN GIẢI QUYẾT:

**I.1. Theo quy định tại điều 25 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) thì những tranh chấp dân sự sau đây cá nhân hoặc tổ chức có thể khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:**

- Tranh chấp về quốc tịch Việt Nam
- Tranh chấp về quyền sở hữu tài sản
- Tranh chấp về hợp đồng dân sự
- Tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ
- Tranh chấp về thừa kế tài sản
- Tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng
- Tranh chấp về quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai.
- Tranh chấp liên quan đến hoạt động nghiệp vụ bảo chi
- Các tranh chấp khác về dân sự mà pháp luật có quy định

**I.2. Điều 26 BLTTDS quy định các loại yêu cầu dân sự sau đây công dân - tổ chức có thể yêu cầu các Tòa án giải quyết:**

- Yêu cầu tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc yêu cầu hủy bỏ các tuyên bố đó.
- Yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú và quản lý tài sản của người đó.
- Yêu cầu tuyên bố một người mất tích hoặc một người đã chết; tuyên bố hủy bỏ các tuyên bố đó.
- Yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án quyết định về dân sự, quyết định về tài sản trong bản án hình sự, hành chính của Tòa án nước ngoài.
- Các yêu cầu khác về dân sự mà pháp luật có quy định.

**I.3. Điều 27 BLTTDS quy định các tranh chấp về hôn nhân và gia đình sau đây công dân có thể yêu cầu Tòa án giải quyết:**

- Ly hôn tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn.
- Tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

- Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn

- Tranh chấp về xác định cha, mẹ cho con hoặc xác định con cho cha mẹ.

- Tranh chấp về cấp dưỡng.

- Các tranh chấp khác về hôn nhân và gia đình mà pháp luật có quy định.

**I.4. Điều 28 BLTTDS quy định các loại yêu cầu về hôn nhân và gia đình sau đây công dân có thể yêu cầu Tòa án giải quyết:**

- Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật

- Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn.

- Yêu cầu công nhận sự thỏa thuận về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

- Yêu cầu hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

- Yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi

- Yêu cầu công nhận và cho thi hành án tại Việt Nam bản án quyết định về hôn nhân và gia đình của Tòa án nước ngoài.

- Các yêu cầu khác về hôn nhân và gia đình mà pháp luật có quy định.

**I.5. Điều 29 BLTTDS quy định các loại tranh chấp về kinh doanh thương mại - công dân hoặc tổ chức có thể khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:**

- Các hoạt động về mua bán hàng hóa; cung ứng dịch vụ phân phối, đại diện đại lý; ký gửi; thuê, cho thuê - thuê mua; xây dựng; tư vấn - kỹ thuật; vận chuyển hàng hóa, hành khách bằng đường sắt, đường bộ, đường thủy nội địa; vận chuyển hàng hóa, hành khách bằng đường hàng không, đường biển; mua bán cổ phiếu trái phiếu và giấy tờ có giá khác; Đầu tư, tài chính ngân hàng; Bảo hiểm; thăm dò, khai thác.

- Tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ giữa cá nhân, tổ chức với nhau và đều có mục đích lợi nhuận.

- Tranh chấp giữa công ty với các thành viên của công ty, giữa các thành viên của công ty liên quan đến việc thành lập, hoạt động, giải thể, sáp nhập; hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi hình thức của công ty.

- Các tranh chấp khác về kinh doanh, thương mại và pháp luật có quy định.

**I.6. Điều 30 quy định những việc tố chức, công dân có thể yêu cầu tòa án giải quyết:**

- Yêu cầu liên quan đến trọng tài thương mại Việt Nam giải quyết các vụ tranh chấp theo quy định của pháp luật trọng tài thương mại.

- Yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định kinh doanh, thương mại của Tòa án nước ngoài hoặc không công nhận bản án, quyết định đó của Tòa án nước ngoài mà không có yêu cầu thi hành tại Việt Nam.

- Yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam quyết định kinh doanh thương mại của trọng tài nước ngoài.

- Các yêu cầu khác về kinh doanh thương mại mà pháp luật có quy định.

**I.7. Điều 31 quy định các tranh chấp lao động - cá nhân hoặc tổ chức có thể khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:**

- Tranh chấp giữa cá nhân người lao động với người sử dụng lao động mà hòa giải không thành hoặc không được giải quyết trong thời hạn do pháp luật quy định.

- Các tranh chấp về xử lý kỷ luật sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động; về bồi thường thiệt hại, về trợ cấp khi chấm dứt hợp đồng lao động; giữa người giúp việc gia đình với người sử dụng lao động; về bảo hiểm xã hội về bồi thường thiệt hại giữa người lao động với doanh nghiệp xuất khẩu lao động.

- Tranh chấp lao động tập thể giữa tập thể lao động với người sử dụng lao động đã được Hội đồng trọng tài lao động tình giải quyết nhưng các bên không đồng ý. Các việc về quyền và lợi ích liên quan đến việc làm, tiền lương, thu nhập và các điều kiện lao động khác; về thỏa ước lao động tập thể; về quyền thành lập, gia nhập, hoạt động công đoàn.

- Các tranh chấp khác về lao động mà pháp luật có quy định

**I.8. Điều 32 quy định những yêu cầu về lao động các bên có thể yêu cầu tòa án giải quyết.**

- Yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án quyết định lao động của Tòa án nước ngoài hoặc không công nhận bản án quyết định lao động của Tòa án nước ngoài mà không có yêu cầu thi hành tại Việt Nam.

- Yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam quyết định lao động của trọng tài nước ngoài.

- Các yêu cầu khác về lao động mà pháp luật có quy định.

**II. ĐỂ BẢO VỆ ĐƯỢC QUYỀN LỢI HỢP PHÁP TRƯỚC TÒA ÁN ĐƯƠNG SỰ PHẢI HIỂU VÀ THỰC HIỆN ĐẦY ĐỦ CÁC QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ TỔ TỤNG CỦA MINH.**

**II.1. Đương sự không phải là khái niệm mới trong tố tụng.** Nhưng khác với các pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án dân sự, vụ án kinh tế, vụ án Lao động trước đây; Bộ luật tố tụng dân sự quy định rõ nội dung khái niệm cả 3 loại chủ thể tham gia tố tụng tại Điều 56 như sau:

**Nguyên đơn** trong vụ án dân sự là người khởi kiện, người được cá nhân, cơ quan, tổ chức khác khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự khi cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của người đó bị xâm phạm (khoản 2 Điều 56).

**Bị đơn** trong vụ án dân sự (VADS) là người bị nguyên đơn khởi kiện hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức khác do bộ luật tố tụng dân sự quy định khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết VADS khi cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bị người đó xâm phạm (khoản 3 Điều 56).

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan** trong VADS là người không khởi kiện, không bị kiện nhưng việc giải quyết VADS có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ nên tự họ đề nghị hoặc các đương sự khác đề nghị và được Tòa án chấp nhận để họ tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Trong trường hợp không có ai đề nghị thì Tòa án phải đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (khoản 4 Điều 56).

**II.2. Quyền và nghĩa vụ của đương sự:**

Điều 8 BLTTDS quy định: mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, trước Tòa án. Mọi cơ quan, tổ chức đều bình đẳng không phụ thuộc vào hình thức tổ chức, hình thức sở hữu và các vấn đề khác. Các đương sự đều bình đẳng về quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự. Nguyên tắc này được cụ thể hóa tại Điều 58. Điều luật này ngoài việc pháp điển hóa các quyền đã được quy định tại Điều 20 pháp lệnh Thủ tục giải quyết các VADS, điều 21 pháp lệnh TTQC-VAKT, Điều 20 pháp lệnh TTQCTCLĐ. Điều luật còn bổ sung nhiều quyền và nghĩa vụ rất quan

trọng tạo cơ sở pháp lý cho đương sự bảo vệ được quyền lợi hợp pháp của mình trước Tòa án.

Tôi xin giới thiệu một số quyền quan trọng này:

**1. Quyền và nghĩa vụ cung cấp chứng cứ và chứng minh cho yêu cầu của mình và phản bác yêu cầu của đương sự bên kia.** Để có đủ chứng cứ cung cấp cho Tòa án điều luật quy định đương sự có quyền yêu cầu cá nhân, cơ quan tổ chức đang lưu giữ, quản lý chứng cứ cung cấp chứng cứ đó cho mình để giao nộp cho Tòa án".

Tương ứng với quyền của đương sự và để phòng ngừa thói chửa quyền, sách nhiễu, vô trách nhiệm của cơ quan nhà nước điều 7 Bộ luật này quy định: "Cá nhân, cơ quan tổ chức trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm cung cấp đầy đủ cho đương sự, Tòa án chứng cứ trong vụ án mà cá nhân, cơ quan, tổ chức đó đang lưu giữ, quản lý khi có yêu cầu của đương sự, Tòa án. Trong trường hợp không cung cấp được thì phải thông báo bằng văn bản cho đương sự, Tòa án biết và nêu rõ lý do của việc không cung cấp được chứng cứ".

**2. Quyền "đề nghị Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ mà tự mình không thể thu thập được; quyền đề nghị Tòa án triệu tập người làm chứng, trung cầu giám định, định giá, quyền khiếu nại với Viện kiểm sát về những chứng cứ do Tòa án thu thập xác minh do đương sự khác yêu cầu".**

**3. "Quyền được biết và ghi chép, sao chụp tài liệu, chứng cứ do các đương sự khác xuất trình hoặc do Tòa án thu thập"** Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các VADS, VAKT, các TCLĐ trước đây cũng có quy định đương sự có quyền được biết các chứng cứ do bên kia cung cấp. Nhưng thực tế thời gian qua thì đương sự chưa biết sử dụng quyền này, còn Tòa án thì phải "bí mật hồ sơ" để "bí mật" luôn cả những chứng cứ có lợi cho đương sự mà Thẩm phán quan tâm.

Bộ luật TTDS quy định các quyền này của đương sự, đồng thời quy định nghĩa vụ tương ứng của Tòa án tại Điều 13 (trách nhiệm của cơ quan, người tiến hành tố tụng dân sự) Điều 22 (trách nhiệm chuyển giao tài liệu, giấy tờ của Tòa án) tạo cơ sở pháp lý cho đương sự thực hiện quyền.

**4. Về quyền đề nghị Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.** (Điều đ khoản 2 Điều 58). Theo

các pháp lệnh Thủ tục giải quyết các VADS, VAKT, TCLĐ thì đương sự chỉ được yêu cầu áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời (BPKCTT) sau khi Tòa án đã thụ lý vụ án. Do đó trên thực tế nhiều vụ án khi có quyết định áp dụng BPKCTT của Tòa án thì tài sản đã bị tẩu tán không kê biên được...

Để đương sự thực hiện được quyền này trên thực tế, Điều 99 (k2) Bộ luật quy định: "Trong trường hợp do tình thế khẩn cấp, cần phải bảo vệ ngay bằng chứng, ngăn chặn hậu quả nghiêm trọng có thể xảy ra thì đương sự có quyền nộp đơn yêu cầu Tòa án có thẩm quyền ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời quy định tại Điều 102 của Bộ luật này đồng thời với việc nộp đơn khởi kiện cho Tòa án đó".

Để bảo đảm pháp lý cho các đương sự thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự, Bộ luật cấu trúc một chương riêng (chương XXXI-II) có 14 điều quy định việc khiếu nại, tố cáo trong tố tụng dân sự. Trong đó Điều 369 quy định "khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của thư ký Tòa án, hội thẩm nhân dân, thẩm phán, Phó chánh án do Chánh án Tòa án giải quyết trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại; nếu không đồng ý với kết quả giải quyết thì người khiếu nại có quyền khiếu nại đến Tòa án cấp trên trực tiếp... Quyết định giải quyết khiếu nại của Chánh án Tòa án phải được gửi cho người khiếu nại và VKS cùng cấp".

**5. Trong tố tụng dân sự quyền gắn liền với nghĩa vụ.** Chẳng hạn quyền cung cấp chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình quy định tại điểm a khoản 2 Điều 58 thì đồng thời cũng quy định nghĩa vụ chứng minh tại Điều 79 như sau "Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải đưa ra chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp; Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải đưa ra chứng cứ để chứng minh sự phản đối đó là có căn cứ và hợp pháp.

"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đủ chứng cứ thì phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được hoặc chứng minh không đầy đủ đó". Nghĩa là yêu cầu của nguyên đơn hoặc phản bác yêu cầu nguyên đơn của bị đơn (quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự) có thể không được Tòa án chấp nhận mà lại phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật ■